

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2020
V/v: *Tranh chấp về ly hôn, nuôi
con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Nam

Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Triệu Văn Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2020 về tranh chấp: “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T – sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Lương Ngọc P (tên gọi khác Lương Văn P) – sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

(Chị T anh P đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa chị Đặng Thị T trình bày:***

- Về tình cảm: Ngày 04/01/2005 chị và anh Lương Ngọc P tự nguyện đi đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh P làm dâu và sinh sống ở thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P không chịu tu chí làm ăn, suốt ngày tụ tập rượu chè, khi say rượu thì về nhiều chửi vợ con. Gia đình hai bên đều khuyên can và hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng vẫn không thể hòa hợp. Đến năm 2018 do không chịu đựng được nữa nên chị T đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn B, xã N, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sống. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng đã hết và không thể kéo dài cuộc hôn nhân này thêm. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung, con lớn tên là Lương Thế T sinh ngày 08/4/2006 hiện nay đang ở với anh P, con nhỏ tên là Lương Minh N sinh ngày 23/9/2015 hiện nay đang ở với chị T. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung Lương Minh N đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung; Giao con chung Lương Thế T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Lương Ngọc P trình bày:***

- Về tình cảm: Ngày 04/01/2005 anh và chị T tự nguyện đi đăng ký kết hôn ở Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị T và anh P sinh sống ở thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và chung sống hạnh phúc. Thỉnh thoảng anh chị có xảy ra cãi vã nhỏ do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nhưng chưa đến mức độ trầm trọng phải ly hôn. Giữa anh chị không có bạo lực gia đình xảy ra. Năm 2018 chị T nói với anh P và bố mẹ chồng là chị T đi làm công nhân, từ đó không thấy chị T về nhà nữa và cũng không liên lạc với gia đình, anh chị cũng sống ly thân từ đó. Anh P muốn chị T suy nghĩ lại để về đoàn tụ gia đình vì hai con còn nhỏ cần sự quan tâm của cả bố, mẹ và anh P vẫn còn yêu thương và quan

tâm chị T.

- Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung, con lớn tên là Lương Thế T sinh ngày 08/4/2006 hiện nay đang ở với anh P, con nhỏ tên là Lương Minh N sinh ngày 23/9/2015 hiện nay đang ở với chị T. Hai con đều phát triển bình thường. Do không muốn ly hôn nên anh P không ý kiến gì về con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải ngày 17/4/2020 chị Đặng Thị T và anh Lương Ngọc P không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề về tình cảm, nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung hai bên đều thừa nhận không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Do các bên không tự thỏa thuận, thống nhất được tất cả các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa:

Chị Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

*** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán - Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án tiến hành xét xử đều đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Đặng Thị T được ly anh Lương Ngọc P.

+ Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung, con lớn tên là Lương Thế T sinh ngày 08/4/2006, con nhỏ tên là Lương Minh N sinh ngày 23/9/2015. Giao con chung Lương Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc và giáo dục, tại phiên tòa anh P trình bày nếu buộc phải ly hôn với chị T thì anh nhất trí mỗi người nuôi một con chung không yêu cầu bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Nên giao con chung Lương Thế T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Ngày 20/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn thụ lý vụ án. Trong quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Do các đương sự không tự thỏa thuận được hết các vấn đề cần giải quyết trong vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng trình tự, thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ lời trình bày của chị Đặng Thị T; các tài liệu chứng cứ liên quan, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lương Ngọc P có hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn tự nguyện theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn năm 2005. Sau khi kết hôn anh chị đã có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc, những năm gần đây vợ chồng hay xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã nhau thường xuyên. Nguyên nhân mâu thuẫn được xác định là do anh Lương Ngọc P hay rượu chè, sau mỗi lần uống rượu anh P hay quấy nhiễu, chửi bới vợ gây ảnh hưởng đến cuộc sống và tình cảm vợ chồng, ảnh hưởng đến tâm lý của chị T. Mâu thuẫn của anh chị đã được thôn bản can thiệp và hòa giải nhưng sự việc vẫn không thay đổi, đến năm 2018 chị T đã bỏ nhà đi làm công nhân đến nay không quay về thăm nom gia đình. Vợ chồng anh chị cũng sống ly thân từ đó đến nay.

Điều 56. Luật hôn nhân gia đình quy định:

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn

nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã đến mức độ trầm trọng ảnh hưởng đến tâm sinh lý, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị Đặng Thị T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung, con lớn tên là Lương Thế T sinh ngày 08/4/2006, con nhỏ tên là Lương Minh N sinh ngày 23/9/2015. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung sau ly hôn, xét thấy nguyện vọng của hai bên là chính đáng. Tuy nhiên, tổng hợp quá trình xác minh tại địa phương và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, xét thấy: Để đảm bảo thuận lợi cho mọi mặt phát triển của con chung, giao con chung Lương Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tại phiên tòa anh P trình bày nếu buộc phải ly hôn với chị T thì anh nhất trí mỗi người nuôi một con chung không yêu cầu bên nào cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Nên Hội đồng xét xử xem xét việc giao con chung Lương Thế T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi là hợp lý. Hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị T và anh P không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo thời hạn quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Lương Ngọc P.

- *Về nuôi con chung*: Giao con chung Lương Minh N cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao con chung Lương Thế T cho anh P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

- *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

- *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án. Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 06207 ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Đặng Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh: 01
- VKS huyện CĐồn 02
- THADS huyện CĐồn 01
- UBND xã B 01
- (Nơi đăng ký kết hôn)
- Các đương sự 02
- Lưu hồ sơ 01
- Lưu vp 01

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Duy Cạn